

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn và quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn và quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, thông báo của doanh nghiệp cho cơ quan hải quan về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế; công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế là địa điểm lưu giữ, bán và giao nhận hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, sản xuất trong nước cho các đối tượng được mua hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế bao gồm: cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng miễn thuế.
2. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh.
3. Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực nhà ga quốc tế sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ; THÔNG BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 4. Tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Tiêu chuẩn về vị trí cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng miễn thuế

a) Đối với cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế: Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Trong khu vực cách ly và khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế; Trong nội địa; Các khu vực khác được phép thành lập địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định.

b) Đối với quầy nhận hàng: Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Tiêu chuẩn về phương tiện, kỹ thuật đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát hải quan

a) Có hệ thống phần mềm quản lý bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa đưa vào, đưa ra; đối tượng mua hàng miễn thuế kết nối trực tuyến với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan.

b) Có hệ thống camera giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng miễn thuế kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan, hình ảnh quan sát được khu vực cửa sổ, cửa ra vào, toàn cảnh bên trong địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

Điều 5. Thông báo hoạt động, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liên kề, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp gửi thông báo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a, Chi cục Hải quan khu vực phối hợp với doanh nghiệp thực hiện việc kết nối hệ thống phần mềm quản lý, hệ thống camera giám sát với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan, lập biên bản xác nhận địa điểm đã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Trường hợp địa điểm đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, Chi cục Hải quan khu vực có văn bản thông báo cho doanh nghiệp đưa địa điểm vào hoạt động, đồng thời có văn bản (kèm biên bản xác nhận, sơ đồ thiết kế khu vực kho, cửa hàng, quầy nhận hàng) gửi Cục Hải quan để cập nhật thông tin địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, cấp mã địa điểm lưu kho đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp địa điểm chưa đáp ứng các tiêu chuẩn, Chi cục hải quan khu vực có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 4 trước khi đưa địa điểm vào hoạt động.

Điều 6. Tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

1. Các trường hợp tạm dừng hoạt động

a) Tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp;

b) Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trong quá trình hoạt động;

2. Đối với trường hợp tạm dừng theo đề nghị của doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp có nhu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a.

Chi cục Hải quan khu vực tiếp nhận và thông báo cho Cục Hải quan.

b) Trong thời gian địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tạm dừng hoạt động, nếu có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế trở lại, doanh nghiệp có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan khu vực về việc địa điểm

kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động trở lại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a. Chi cục Hải quan khu vực thông báo cho Cục Hải quan về việc địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động trở lại.

3. Đối với trường hợp tạm dừng do không duy trì các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trong quá trình hoạt động

a) Khi phát hiện địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, cơ quan hải quan thực hiện thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế đến doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

b) Doanh nghiệp thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đáp ứng quy định.

c) Sau khi khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan khu vực về việc địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế hoạt động trở lại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a.

d) Cơ quan hải quan thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra tại địa điểm. Đối với hàng hóa tạm nhập hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam thì doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định.

Điều 7. Chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

1. Khi doanh nghiệp không có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện:

a) Xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.

b) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này đến Chi cục Hải quan khu vực qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36a.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan khu vực

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ36a, Chi cục Hải quan khu vực thực hiện kiểm tra việc xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định.

b) Trường hợp đã hoàn thành việc xử lý hàng tồn đọng thì thông báo cho doanh nghiệp về việc đã hoàn thành việc xử lý hàng hóa tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.

Trường hợp chưa hoàn thành xử lý hàng tồn đọng thì hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện xử lý hàng tồn đọng theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành việc xử lý hàng tồn đọng thì thông báo cho doanh nghiệp về việc đã hoàn thành việc xử lý hàng hóa tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.

c) Chi cục Hải quan khu vực thông báo cho Cục Hải quan để cập nhật trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin thông báo cho cơ quan hải quan và lưu giữ các chứng từ chứng minh đáp ứng các tiêu chuẩn khi thực hiện thông báo hoạt động, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại Thông tư này; Tuân thủ các quy định khác của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Đảm bảo duy trì hoạt động của hệ thống phần mềm quản lý, camera giám sát hải quan quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp hệ thống phần mềm quản lý, camera giám sát hải quan bị sự cố phải khắc phục và thông báo ngay cho Hải quan quản lý địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế để có biện pháp giám sát, quản lý phù hợp.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hải quan và pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động của địa điểm.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Cục Hải quan

- a) Xây dựng, vận hành hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan;
- b) Thực hiện cập nhật thông tin địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, cấp mã địa điểm lưu kho đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế;
- c) Ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.

d) Thực hiện kiểm tra địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

2. Chi cục Hải quan khu vực:

- a) Theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong quá trình hoạt động;
- b) Thường xuyên giám sát tại địa bàn, định kỳ (03 hoặc 06 tháng) kiểm tra

hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo các tiêu chuẩn đã công bố, nếu không đáp ứng thì yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng hoạt động và khắc phục các nội dung chưa đáp ứng;

c) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong việc tổ chức giám sát hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế;

d) Thông báo cho Cục Hải quan theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

3. Hải quan quản lý địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Thực hiện thủ tục hải quan, giám sát hàng hóa kinh doanh hàng miễn thuế sau khi doanh nghiệp tự công bố hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế;

b) Tổ chức giám sát tình hình hoạt động của địa điểm thông qua hệ thống camera giám sát và hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Trường hợp phát hiện vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã được công nhận, hoạt động trước khi Thông tư này có hiệu lực, doanh nghiệp tiếp tục hoạt động và không phải thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. Doanh nghiệp có trách nhiệm duy trì, đảm bảo các điều kiện theo tiêu chuẩn tại Điều 4 Thông tư này.

2. Đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đã được công nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nếu mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng hoạt động, chấm dứt hoạt động thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Cục Hải quan tiếp nhận, tổng hợp vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, phản ánh về Bộ Tài chính đề hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (20).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số... /2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01**TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO (1)

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực...

1. Thông tin về doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

- Tên doanh nghiệp:.....
- Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:.....
- Số điện thoại: Số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư ...(2).....
số:..... ngày... tháng ... năm ;

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh: (Chỉ ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế).

2. Thông tin về tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế**a) Về vị trí:****b) Về diện tích:**Tổng diện tích địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: m². Trong đó:

- Diện tích kho chứa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng kho nếu địa điểm có nhiều kho);
- Diện tích cửa hàng miễn thuế: m² (ghi cụ thể diện tích của từng cửa hàng nếu địa điểm có nhiều cửa hàng);
- Diện tích quầy nhận hàng: m² (ghi cụ thể vị trí, diện tích của từng quầy nhận hàng nếu địa điểm có nhiều quầy nhận hàng);
- Diện tích khác (nếu có): m²;

c) Tiêu chuẩn về kiểm tra, giám sát hải quan:**c.1) Về hệ thống phần mềm:**

+ Hợp đồng cung cấp phần mềm quản lý số :....; đối tác.... (Trường hợp doanh nghiệp tự phát triển phần mềm thì ghi: Phần mềm doanh nghiệp tự xây dựng)

+ Các thông tin khác:....(ghi các thông tin liên quan đến Hệ thống phần mềm. Ví dụ: yếu tố kỹ thuật, mô tả hệ thống, ...)

c.2) Về hệ thống camera giám sát hải quan:

+ Hợp đồng cung cấp lắp đặt số :....; đối tác....(Trường hợp doanh nghiệp tự lắp đặt thì ghi: Hệ thống camera giám sát do doanh nghiệp tự mua, lắp đặt)

+ Số lượng camera:....

+ Các thông tin khác:....(ghi các thông tin liên quan đến Hệ thống camera giám sát. Ví dụ: thông số kỹ thuật, mô tả hoạt động,)

3. Thông tin về chứng từ chứng nhận quyền sử dụng đất, công trình địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: số ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạn

4. Thông tin về chứng từ chứng nhận phòng cháy chữa cháy: số ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạn

5. Thông tin về chứng từ khác:

6. Hồ sơ kèm theo văn bản thông báo hoạt động/mở rộng/thu hẹp/di chuyển: Sơ đồ thiết kế khu vực kho, cửa hàng, quầy nhận hàng (Yêu cầu sơ đồ phải thể hiện rõ vị trí đặt địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, vị trí lắp đặt hệ thống camera, vị trí kho, cửa hàng, các vị trí khác (nếu có)).

Doanh nghiệp cam đoan các nội dung trên là đúng; đồng thời chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ nội dung thông báo: hoạt động, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động và tên của hàng, kho, quầy nhận hàng.

(2) Ghi rõ loại giấy tờ theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp